

Số: /2026/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung, mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” và hỗ trợ người dân tham gia học xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ về việc quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em, nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách;

Căn cứ Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”;

Căn cứ Quyết định số 525/QĐ-TTg ngày 06/3/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 29-CT/TW ngày 05/10/2024 của Bộ Chính trị về công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ cho người lớn và đẩy mạnh phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 17/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”;

Căn cứ Thông tư số 33/2021/TT-BGDĐT ngày 26/11/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình Xóa mù chữ;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk đề nghị ban hành Nghị quyết quy định nội dung, mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” và hỗ trợ người dân tham gia

học xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Quy nội dung, mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” và hỗ trợ người dân tham gia học xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung, mức chi để thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” và hỗ trợ người dân tham gia học xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” và hỗ trợ người dân tham gia học xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Nội dung, mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”

1. Chi công tác phổ biến, giáo dục pháp luật nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tổ chức, đoàn thể, các lực lượng xã hội tại địa phương về mục đích, ý nghĩa, vai trò và ích lợi của học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập; chi tổ chức Tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời hàng năm: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết 23/2025/NQ-HĐND ngày 24/12/2025 của HĐND tỉnh Đắk Lắk quy định mức chi đảm bảo cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hoà giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Chi công tác phí, chi thực hiện các nhiệm vụ kiểm tra, giám sát việc thực hiện Đề án tại địa phương, học tập kinh nghiệm mô hình xây dựng xã hội học tập hiệu quả trong nước; chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị sơ kết, tổng kết các cấp trên địa bàn; chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị triển khai kế hoạch đánh giá, xếp loại/công nhận các mô hình học tập; chi cho các hoạt động khảo sát phục vụ công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục mầm non, phổ cập giáo dục tiểu học và phổ cập giáo dục trung học cơ sở (sau đây viết tắt là phổ cập giáo dục): Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết 12/2025/NQ-HĐND ngày 30/10/2025 của HĐND tỉnh Đắk Lắk quy định mức chi chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

3. Chi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức.

4. Chi khảo sát nhu cầu học tập, thu thập minh chứng, chi tổng hợp số liệu, viết báo cáo đánh giá, căn cứ quy mô, tính chất của từng cuộc điều tra, Thủ trưởng đơn vị được giao chủ trì thực hiện kiểm tra, đánh giá, xếp loại/công nhận các mô hình học tập: Thực hiện theo các chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và theo quy

định tại Nghị quyết số 64/2016/NQ-HĐND ngày 16/12/2016 của HĐND tỉnh Phú Yên quy định nội dung và mức chi các cuộc điều tra thống kê do ngân sách địa phương bảo đảm.

5. Chi cho công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục và các lớp học tại Trung tâm học tập cộng đồng ban đêm:

(a) Đối với các học viên các lớp học xóa mù chữ được nhà nước hỗ trợ học phẩm: Học phẩm hỗ trợ cho học viên các lớp học trong phạm vi quy định tại Quyết định số 021/2025/QĐ-UBND ngày 10/11/2025 của UBND tỉnh Quy định cụ thể danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú, cơ sở giáo dục phổ thông được cấp có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh dân tộc nội trú để thực hiện chính sách theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Đối với việc chi hỗ trợ học phẩm cho học viên tham gia học lớp xóa mù chữ gồm vở, bút, tẩy chì, ba lô đựng sách vở, thước kẻ, đo độ, compa: Chi theo thực tế nhưng không quá 500.000 đồng/người/năm học.

(b) Chi hỗ trợ kinh phí thấp sáng ban đêm, chi mua sổ sách theo dõi quá trình học tập, sách giáo khoa dùng chung và chi tuyên truyền, huy động người mù chữ, tái mù chữ đến lớp xóa mù chữ:

- Chi hỗ trợ thấp sáng đối với lớp học (theo thời gian thực tế học): Không quá 200.000 đồng/lớp/tháng.

- Chi hỗ trợ mua hồ sơ, sổ sách theo dõi quá trình học tập và văn phòng phẩm cho giáo viên để hoàn thành 01 môn học: Chi theo thực tế nhưng không quá 250.000 đồng/lớp/học kỳ.

- Chi mua sách giáo khoa dùng chung: Sách giáo khoa cho học viên mượn đầu kỳ và thu lại sau khi học xong để sử dụng cho các lớp tiếp theo. Trên cơ sở số lượng học viên tham gia học các lớp xóa mù chữ, đơn vị tổ chức lớp học tổ chức mua sắm sách giáo khoa theo quy định, chi theo hóa đơn thực tế phát sinh. Sau khi kết thúc đợt học, giáo viên quản lý lớp học có trách nhiệm thu lại sách giáo khoa đã cho học viên mượn, bảo quản để tiếp tục sử dụng cho các lớp tiếp theo.

- Chi hỗ trợ cho người tham gia tuyên truyền, huy động người mù chữ, tái mù chữ đến lớp xóa mù chữ: 150.000 đồng/01 học viên đến lớp và hoàn thành lớp học.

(c) Chi tiền lương đối với giáo viên thuộc biên chế thuộc nhiệm vụ chuyên môn của cơ sở giáo dục đào tạo công lập: chi trả theo quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 07/2026/NĐ-CP ngày 10/01/2026 của Chính phủ. Trường hợp số giờ dạy vượt định mức giờ chuẩn được thanh toán theo quy định tại Thông tư số 21/2025/TT-BGDĐT ngày 23/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ trả tiền lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập.

(d) Chi tiền công đối với những người tình nguyện tham gia giảng dạy các lớp (bao gồm giáo viên thuộc biên chế của cơ sở giáo dục đào tạo công lập và những người ngoài biên chế có đủ tiêu chuẩn, năng lực giảng dạy): Mức chi tiền công theo hợp đồng lao động trên cơ sở lương tối thiểu vùng và đảm bảo tương quan với mức lương giáo viên trong biên chế có cùng trình độ đào tạo, thâm niên công tác dạy cùng cấp học, lớp học theo quy định hiện hành của nhà nước về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Trong trường hợp huy động tình nguyện viên tham gia giảng dạy các lớp: Thực hiện hỗ trợ chi phí ăn, ở, đi lại cho các đối tượng này theo chế độ công tác phí quy định tại Nghị quyết 12/2025/NQ-HĐND ngày 30/10/2025 của HĐND tỉnh Đắk Lắk quy định mức chi chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

6. Chi khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

7. Chi hỗ trợ khuyến khích người dân học các lớp xóa mù chữ: Hỗ trợ bằng tiền 300.000 đồng/học viên/tháng, thời gian hỗ trợ tương đương với thời gian học viên học thực tế tại lớp xóa mù chữ, hỗ trợ không quá 10 tháng đối với Chương trình xóa mù chữ giai đoạn 1 và hỗ trợ không quá 09 tháng đối với Chương trình xóa mù chữ giai đoạn 2.

Điều 3. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ người dân tham gia học xóa mù chữ

1. Đối tượng hỗ trợ

Người dân tham gia lớp học xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk do cơ sở/đơn vị có thẩm quyền tổ chức.

2. Điều kiện hỗ trợ

a) Trong độ tuổi từ 15 đến 60, thường trú trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

b) Học viên tham gia học xóa mù chữ được hưởng kinh phí hỗ trợ sau khi cơ sở giáo dục tổ chức thực hiện Chương trình xóa mù chữ xác nhận hoàn thành từng giai đoạn của Chương trình xóa mù chữ.

c) Mỗi học viên chỉ được hỗ trợ một lần cho mỗi giai đoạn học (giai đoạn 1 và giai đoạn 2).

d) Không áp dụng hỗ trợ đối với học viên đã được cấp chứng nhận hoàn thành chương trình xóa mù chữ nhưng bị tái mù và tiếp tục tham gia học lại.

3. Thời gian thực hiện: Từ năm 2027 đến hết năm 2030. Trường hợp học viên đang tham gia học xóa mù chữ trong năm 2026, được cơ sở giáo dục xác nhận hoàn thành từng giai đoạn của chương trình xóa mù chữ sau khi Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì được hưởng kinh phí hỗ trợ trên.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Căn cứ nhu cầu thực hiện công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ và số lượng người học tham gia các lớp xóa mù chữ trên địa bàn, UBND cấp xã chủ động rà soát, cân đối, bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách được phân cấp và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định, bảo đảm điều kiện tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao. Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực

hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

2. Nguồn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; các nguồn vốn xã hội hóa, nguồn vốn huy động hợp pháp, nguồn thu khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Nghị quyết đảm bảo công khai, minh bạch, kịp thời, đúng đối tượng, nội dung và chế độ tài chính theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các ban, các tổ và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Điều 6. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 2026.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa XVIII, Kỳ họp thứthông qua ngàytháng ... năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Tổ đại biểu HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Viện KSND, TAND, THADS tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp xã;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Đắk Lắk;
- Trung tâm Công nghệ và Công TTĐT tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT,

CHỦ TỊCH

Cao Thị Hòa An